

Số: 3545 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 31 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt và công bố Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với
sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm 2022**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 402/KH-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2021 của UBND tỉnh Bắc Giang về cải cách hành chính nhà nước tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Quyết định số 1823/QĐ-UBND ngày 27 tháng 8 năm 2021 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc xác định Chỉ số cải cách hành chính đối với các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Báo cáo số 340/BC-SNV ngày 28 tháng 12 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Bắc Giang năm 2022 (gọi tắt là *Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức năm 2022*).

1. Kết quả Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với các Sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh: Có Phụ lục I kèm theo.

2. Kết quả Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với UBND cấp huyện: Có Phụ lục II kèm theo.

Điều 2. Căn cứ Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức năm 2022, các cơ quan, địa phương tổ chức phân tích, đánh giá đúng tình hình, xây dựng kế

hoạch nâng cao Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm 2023.

Điều 3. Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND huyện, thành phố; các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh:
 - + LĐVP; TH;
 - + Cổng TTĐT tỉnh;
 - + Lưu: VT, NC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Mai Sơn

**PHỤ LỤC I: KẾT QUẢ CHỈ SỐ HÀI LÒNG CỦA NGƯỜI DÂN, TỔ CHỨC
ĐỐI VỚI CÁC SỞ, CƠ QUAN THUỘC UBND TỈNH**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 12/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT/Thứ hạng năm 2022	Tên cơ quan	Chỉ số hài lòng (%)
1	Sở Giáo dục và Đào tạo	100,0
2	Sở Thông tin và Truyền thông	99,40
3	Sở Khoa học và Công nghệ	99,24
4	Sở Văn hóa, Thể thao và du lịch	99,13
5	Sở Kế hoạch và Đầu tư	98,97
6	Sở Nội vụ	98,87
7	Sở Tài chính	98,23
8	Sở Tư pháp	97,01
9	Ban Quản lý các Khu công nghiệp	96,69
10	Sở Xây dựng	96,07
11	Sở Tài nguyên – môi trường	95,66
12	Sở Nông nghiệp và PTNT	95,43
13	Sở Ngoại vụ	94,22
14	Sở Giao thông vận tải	93,62
15	Sở Lao động, Thương binh và xã hội	93,62
16	Sở Công thương	89,71
17	Sở Y tế	85,40

PHỤ LỤC II: KẾT QUẢ CHỈ SỐ HÀI LÒNG CỦA NGƯỜI DÂN, TỔ CHỨC ĐỐI VỚI CẤP HUYỆN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 12/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT/Thứ hạng năm 2022	Tên địa phương	Chỉ số hài lòng (%)
1	UBND huyện Sơn Động	100,0
2	UBND huyện Hiệp Hòa	99,92
3	UBND huyện Việt Yên	99,52
4	UBND huyện Tân Yên	99,27
5	UBND huyện Yên Dũng	99,22
6	UBND huyện Lục Nam	95,87
7	UBND huyện Lục Ngạn	92,94
8	UBND huyện Lạng Giang	91,35
9	UBND thành phố Bắc Giang	88,81
10	UBND huyện Yên Thế	88,81